

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 24

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GTNfoods (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Tạ Văn Quyền	Chủ tịch
Ông Nghiêm Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Tiến sĩ Michael Louis Rosen	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên
Bà Chew Mei Ying	Thành viên
Ông La Mạnh Tiến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2018)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Tiến sĩ Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc
Ông La Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2018)
Ông Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Minh	Giám đốc Tài chính

### **TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



---

**Tạ Văn Quyền**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Số: 260 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần GTNfoods**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần GTNfoods (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2018, từ trang 05 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

- Như trình bày tại Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, giá trị dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần (công ty con của Công ty) có thể thay đổi do đơn vị này đã chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2015 nhưng vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét và kiểm toán tương ứng bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo soát xét đề ngày 29 tháng 8 năm 2017 và báo cáo kiểm toán đề ngày 30 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh về dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam – Công ty Cổ phần (công ty con của Công ty).



**Trần Thị Thúy Ngọc**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0031-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 15 tháng 8 năm 2018  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>478.063.831.804</b>	<b>444.656.301.894</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>167.543.426.620</b>	<b>32.977.297.407</b>
1. Tiền	111		12.393.426.620	12.977.297.407
2. Các khoản tương đương tiền	112		155.150.000.000	20.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>117.500.000.000</b>	<b>292.931.750.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		117.500.000.000	292.931.750.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>192.042.669.194</b>	<b>118.421.569.546</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.236.971.846	32.088.777.927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	102.843.191.061	8.815.005.546
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.380.000.000	18.680.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	81.657.640.259	58.837.786.073
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(75.133.972)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>977.735.990</b>	<b>325.684.941</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	276.387.288	72.960.996
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		423.265.769	252.723.945
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	278.082.933	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.357.665.860.692</b>	<b>2.356.972.117.118</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	5.000.000	5.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.695.662.847</b>	<b>3.044.539.657</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.679.576.854	3.011.453.660
- Nguyên giá	222		4.740.762.728	4.740.762.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.061.185.874)	(1.729.309.068)
2. Tài sản cố định vô hình	227		16.085.993	33.085.997
- Nguyên giá	228		142.000.000	142.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(125.914.007)	(108.914.003)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>2.352.399.880.357</b>	<b>2.351.047.000.882</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.302.869.451.448	2.294.737.412.918
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		106.944.555.787	106.944.555.787
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(57.414.126.878)	(50.634.967.823)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.565.317.488</b>	<b>2.875.576.579</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.565.317.488	2.875.576.579
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.835.729.692.496</b>	<b>2.801.628.419.012</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.148.195.279</b>	<b>2.505.315.339</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.148.195.279</b>	<b>2.505.315.339</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		75.194.197	475.286.478
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	10.000.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	47.827.864	1.323.669.268
4. Phải trả người lao động	314		403.269.511	282.970.272
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		448.000.000	392.151.333
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		173.903.707	31.237.988
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.824.581.497.217</b>	<b>2.799.123.103.673</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>2.824.581.497.217</b>	<b>2.799.123.103.673</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		245.042.505.974	245.042.505.974
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.538.991.243	54.080.597.699
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		54.080.597.699	52.047.954.523
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		25.458.393.544	2.032.643.176
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.835.729.692.496</b>	<b>2.801.628.419.012</b>



**Lâm Thị Thúy Mai**  
Người lập biểu



**Hoàng Mạnh Cường**  
Kế toán trưởng



**Tạ Văn Quyền**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	6.120.133.000	460.561.182.692
2. Giá vốn hàng bán	11	16	5.776.925.000	458.362.034.692
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=01-11)	20		343.208.000	2.199.148.000
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	38.966.319.596	14.132.196.703
5. Chi phí tài chính	22	19	6.779.159.055	2.147.963.058
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1.000.643.833
6. Chi phí bán hàng	25		-	50.475.000
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	7.540.186.646	4.990.235.681
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		24.990.181.895	9.142.670.964
9. Thu nhập khác	31		595.342.363	-
10. Chi phí khác	32		127.130.714	13.280.398
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		468.211.649	(13.280.398)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.458.393.544	9.129.390.566
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	-	1.231.434.987
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		25.458.393.544	7.897.955.579

  
Lâm Thị Thúy Mai  
Người lập biểu

  
Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng


  
Tạ Văn Quyền  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**


Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>25.458.393.544</b>	<b>9.129.390.566</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	348.876.810	332.529.312
Các khoản dự phòng	03	6.854.293.027	1.147.319.225
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(38.966.319.596)	(14.102.196.703)
Chi phí lãi vay	06	-	1.000.643.833
<b>3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước tăng, giảm vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(6.304.756.215)</b>	<b>(2.492.313.767)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(51.172.229.724)	41.842.005.200
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	8.498.717.468
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(723.495.434)	(10.561.480.926)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	106.832.799	(2.721.835.296)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(838.506.944)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(911.707.559)	(1.611.475.054)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(59.005.356.133)</b>	<b>32.115.110.681</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(72.900.000.000)	(390.605.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	265.631.750.000	27.500.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(25.525.038.530)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	10.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.364.773.876	11.353.325.120
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>193.571.485.346</b>	<b>(351.751.674.880)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(95.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(95.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>134.566.129.213</b>	<b>(414.636.564.199)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.977.297.407	469.263.504.377
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	167.543.426.620	54.626.940.178

  
Lâm Thị Thúy Mai  
Người lập biểu

  
Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

  
Tạ Văn Quyền  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần GTNfoods được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 5 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 17 tháng 11 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: số 92 Đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 29 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 25 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư tài chính; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm plastic; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa, Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp),...

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Theo Thông báo số 3448/18 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai, Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất - Chi nhánh Miền Trung Tây Nguyên chấm dứt hoạt động kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2018. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty không có đơn vị hạch toán phụ thuộc nào.

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
- Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP	Số 519 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	74,33%	74,33%	Đầu tư tài chính và công nghệ; kinh doanh gia súc và gia cầm
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	Số 92 Võ Thị Sáu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	95,00%	95,00%	Kinh doanh, sản xuất chè
- Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (Công ty con của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP)	Tiểu khu Cơ quan, Thị trấn nông trường Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	37,91%	51,00%	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
- Công ty Cổ phần Vinatea Kim Anh (Công ty con của Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP)	Thôn Thái Phù, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	93,28%	98,19%	Kinh doanh, sản xuất chè
- Công ty Cổ phần Chè Nghĩa Lộ (Công ty con của Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP)	Khu 4B, Thị trấn nông trường Nghĩa Lộ, Tỉnh Yên Bái	48,41%	51,00%	Kinh doanh, sản xuất chè
- Công ty Cổ phần Chè Liên Sơn (Công ty con của Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP)	Thị trấn nông trường Liên Sơn, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái	48,41%	51,00%	Kinh doanh, sản xuất chè
- Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	Cụm công nghiệp Bó Bun, thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	96,37%	96,37%	Sản xuất sản phẩm từ tre công nghiệp
- Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Lô 5, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, xã Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	90,00%	90,00%	Sản xuất ống nhựa, và các sản phẩm từ nhựa
- Công ty TNHH Hàng Tiêu Dùng GTNfoods	Số 92 Võ Thị Sáu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu

**Công ty liên kết**

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	35,00%	35,00%	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông thực phẩm...
- Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn	Số 8, đường Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	35,04%	35,04%	Trồng rừng, chế biến gỗ, nuôi cá sấu

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết***

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu háng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<b>Kỳ này</b> (Số năm)
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm quản lý. Giá trị tài sản vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu

nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	198.813.858	9.845.436.347
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.194.612.762	3.131.861.060
Các khoản tương đương tiền (*)	155.150.000.000	20.000.000.000
	<b><u>167.543.426.620</u></b>	<b><u>32.977.297.407</u></b>

(\*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 phản ánh các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1% đến 5,5%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số dư cuối kỳ		Số dư đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	117.500.000.000	117.500.000.000	292.931.750.000	292.931.750.000
	<b>117.500.000.000</b>	<b>117.500.000.000</b>	<b>292.931.750.000</b>	<b>292.931.750.000</b>

(\*) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 13 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,0%/năm đến 7,8%/năm.

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư vào công ty con	Số dư cuối kỳ		Số dư đầu kỳ		Dự phòng
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>					
- Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung (d)	135.000.000.000	-	135.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Hàng Tiêu Dùng GTNfoods (d)	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-	(111.488.286)
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần (e) (d)	443.123.752.300	(43.399.151.404)	443.123.752.300	(42.910.587.244)	(42.910.587.244)
- Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu (d)	292.000.000.000	(14.014.975.474)	292.000.000.000	(7.612.892.293)	(7.612.892.293)
- Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần (f) (a)	1.424.745.699.148	-	1.416.613.660.618	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>106.944.555.787</b>	<b>-</b>	<b>106.944.555.787</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (b)	65.522.255.787	-	65.522.255.787	-	-
- Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn (c)	41.422.300.000	-	41.422.300.000	-	-
	<b>2.409.814.007.235</b>	<b>(57.414.126.878)</b>	<b>2.401.681.968.705</b>	<b>(50.634.967.823)</b>	<b>(50.634.967.823)</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, và công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được xác định như sau:

(a) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần (mã cổ phiếu VLC) được xác định theo giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày kết thúc kỳ báo cáo là: 923.991.779.200 VND. Cổ phiếu VLC trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018 không được giao dịch thường xuyên và khối lượng giao dịch thấp.

(b) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (mã cổ phiếu VDL) được xác định theo giá đóng cửa niêm yết trên sàn HNX tại ngày kết thúc kỳ báo cáo là: 138.512.592.000 VND. Cổ phiếu VDL trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018 không được giao dịch thường xuyên và khối lượng giao dịch thấp.

(c) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn (mã cổ phiếu FRM) được xác định theo giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày kết thúc kỳ báo cáo là: 28.700.000.000 VND. Cổ phiếu FRM trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018 không được giao dịch thường xuyên và khối lượng giao dịch thấp.

(d) Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán và Công ty cũng chưa thu thập được các thông tin đáng tin cậy khác để xác định giá trị hợp lý.

(e) Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH MTV ("Vinatea") đã chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần từ ngày 17 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Vinatea chưa được phê duyệt chính thức báo cáo quyết toán cổ phần hóa. Vì vậy, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Vinatea có thể sẽ thay đổi sau khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt chính thức Quyết toán cổ phần hóa. Do đó, khoản Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn có thể thay đổi sau khi số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Vinatea được cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo quyết toán cổ phần hóa.

(f) Tại ngày 28 tháng 6 năm 2018, Công ty đã hoàn tất mua vào 383.900 cổ phiếu tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần ("VLC") nâng lượng sở hữu tại VLC từ 46.519.236 (tương ứng tỷ lệ 73,72%) lên 46.903.136 cổ phiếu, tương ứng 74,33% số cổ phiếu đang lưu hành của VLC.

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu của khách hàng khác	6.034.309.246	32.088.777.927
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 22)	202.662.600	-
	<b>6.236.971.846</b>	<b>32.088.777.927</b>

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trả trước cho các hợp đồng mua chè	42.500.000.000	-
Trả trước cho các hợp đồng mua phân bón	31.500.000.000	-
Trả trước cho các hợp đồng mua cổ phiếu	17.393.000.000	5.000.000.000
Trả trước cho các hợp đồng mua ngô hạt	7.000.000.000	-
Trả trước cho các hợp đồng mua quặng	3.721.075.000	3.721.075.000
Trả trước người bán khác	729.116.061	93.930.546
	<b>102.843.191.061</b>	<b>8.815.005.546</b>

## 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	7.300.000.000
Công ty TNHH Hàng Tiêu Dùng GTNfoods	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất tre Công nghiệp Mộc Châu	1.380.000.000	1.380.000.000
	<b>1.380.000.000</b>	<b>18.680.000.000</b>

## 9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>81.555.396.269</b>	<b>58.790.788.294</b>
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần (*)	42.551.488.987	42.551.488.987
Phải thu cổ tức được chia	30.487.038.400	-
Phải thu tạm ứng tiền mua cổ phần	4.556.000.000	4.556.000.000
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	3.555.605.003	11.249.899.168
Tạm ứng	297.464.630	384.052.805
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	10.049.959
Ký cược, ký quỹ	81.000.000	14.000.000
Phải thu khác	26.799.249	25.297.375
<b>b. Dài hạn</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	5.000.000
<b>c. Phải thu lãi cho vay các bên liên quan</b> (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 22)	<b>102.243.990</b>	<b>46.997.779</b>
	<b>81.662.640.259</b>	<b>58.842.786.073</b>

(\*) Khoản tiền phải thu các cá nhân liên quan đến việc mua cổ phần Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần, các khoản nợ này các cá nhân thanh toán chậm nhất đến ngày 29 tháng 06 năm 2018. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi và phương án thu hồi nợ của các đối tượng này và đánh giá rằng không cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của các đối tượng này tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	101.886.093	36.384.975
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	174.501.195	36.576.021
	<b>276.387.288</b>	<b>72.960.996</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Phí thuê văn phòng (*)	2.542.512.000	2.874.144.000
- Chi phí trả trước dài hạn khác	22.805.488	1.432.579
	<b>2.565.317.488</b>	<b>2.875.576.579</b>

(\*) Thể hiện chi phí thuê văn phòng tại trụ sở số 92 Võ Thị Sáu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội với thời hạn thuê 60 tháng.

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	4.637.862.728	102.900.000	4.740.762.728
Số dư cuối kỳ	4.637.862.728	102.900.000	4.740.762.728
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	1.642.070.174	87.238.894	1.729.309.068
Trích khấu hao trong kỳ	319.726.806	12.150.000	331.876.806
Số dư cuối kỳ	1.961.796.980	99.388.894	2.061.185.874
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu kỳ	2.995.792.554	15.661.106	3.011.453.660
Số dư cuối kỳ	2.676.065.748	3.511.106	2.679.576.854

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 71.300.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 30.000.000 VND).

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

Thể hiện khoản trả trước với mục đích mua cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung.

## 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp/khấu trừ	
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	633.624.626	-	911.707.559	(278.082.933)
<b>Cộng</b>	<b>633.624.626</b>	<b>-</b>	<b>911.707.559</b>	<b>(278.082.933)</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	70.356.146	70.356.146	-
Thuế thu nhập cá nhân	690.044.642	190.463.548	832.680.326	47.827.864
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế khác	-	840.000	840.000	-
<b>Cộng</b>	<b>690.044.642</b>	<b>264.659.694</b>	<b>906.876.472</b>	<b>47.827.864</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09a-DN

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>				
Số dư đầu kỳ trước	2.500.000.000.000	245.042.505.974	59.171.124.942	2.804.213.630.916
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	7.897.955.579	7.897.955.579
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>245.042.505.974</b>	<b>67.069.080.521</b>	<b>2.812.111.586.495</b>
<b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>				
Số dư đầu kỳ này	2.500.000.000.000	245.042.505.974	54.080.597.699	2.799.123.103.673
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	25.458.393.544	25.458.393.544
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>245.042.505.974</b>	<b>79.538.991.243</b>	<b>2.824.581.497.217</b>

**Vốn điều lệ**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	250,000,000	250,000,000
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250,000,000	250,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	250,000,000	250,000,000
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250,000,000	250,000,000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 17 tháng 11 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 2.500.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14</b>		<b>Vốn đã góp</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu kỳ VND</b>
Công ty Cổ phần INVEST Tây Đại Dương	700.478.800.000	28%	700.478.800.000	700.478.800.000
Tael Two Partners Ltd.,	550.000.000.000	22%	550.000.000.000	550.000.000.000
PENM IV Germany GmbH & Co.KG	149.999.900.000	6%	149.999.900.000	149.999.900.000
Các cổ đông khác	1.099.521.300.000	44%	1.099.521.300.000	1.099.521.300.000
	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>2.500.000.000.000</b>

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Doanh thu bán hàng	5.926.975.000	460.561.182.692
Doanh thu cung cấp dịch vụ	193.158.000	-
	<b>6.120.133.000</b>	<b>460.561.182.692</b>

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.776.925.000	458.362.034.692
	<b>5.776.925.000</b>	<b>458.362.034.692</b>

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.418.119	51.930.723
Chi phí nhân công	2.877.545.438	1.826.719.260
Chi phí khấu hao tài sản cố định	348.876.810	332.529.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.839.766.894	1.662.529.359
Chi phí khác	2.423.579.385	1.167.002.027
	<b>7.540.186.646</b>	<b>5.040.710.681</b>

## 18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.728.816.196	10.960.641.403
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.237.503.400	3.141.555.300
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	30.000.000
	<b>38.966.319.596</b>	<b>14.132.196.703</b>

## 19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	-	1.000.643.833
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.779.159.055	1.147.319.225
	<b>6.779.159.055</b>	<b>2.147.963.058</b>

## 20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	2.877.545.438	1.776.244.260
Chi phí đồ dùng văn phòng	50.418.119	51.930.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	348.876.810	332.529.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.640.881.963	1.662.529.359
Chi phí khác	1.622.464.316	1.167.002.027
	<b>7.540.186.646</b>	<b>4.990.235.681</b>

## 21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	1,231,434,987
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1,231,434,987</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	25.458.393.544	9.129.390.566
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(29.542.578.852)	(2.972.215.633)
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	(30.237.503.400)	(3.141.555.300)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	694.924.548	169.339.667
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	6.157.174.933
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	1.231.434.987



**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	Công ty con
Công ty TNHH Hàng Tiêu Dùng GTNfoods	Công ty con
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty con
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinatea Kim Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn

**Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
<b>Cho vay</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>96.750.000.000</b>
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.400.000.000	30.500.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	-	450.000.000
Công ty TNHH Hàng Tiêu Dùng GTNfoods	-	62.600.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	-	3.000.000.000
<b>Thu tiền cho vay</b>	<b>18.700.000.000</b>	<b>27.700.000.000</b>
Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	8.700.000.000	27.500.000.000
Công ty TNHH Hàng Tiêu Dùng GTNfoods	10.000.000.000	-
<b>Mua hàng</b>	<b>488.060.231</b>	<b>120.670.364</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	10.490.536	-
Chi nhánh Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần tại TP. Hồ Chí Minh	21.167.157	-
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	22.931.820	-
Công ty Cổ phần Vinatea Kim Anh	40.004.545	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	19.674.686	-
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	-
- Tiền điện thuê văn phòng	42.159.487	-
- Thuê văn phòng	331.632.000	110.544.000
Chi nhánh Tổng Công ty Chè Việt Nam tại Sơn La - Công ty chè Mộc Châu	-	10.126.364
<b>Doanh thu phí quản lý dịch vụ hành chính</b>	<b>193.158.000</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	193.158.000	-
<b>Cổ tức được chia</b>	<b>30.487.038.400</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần	30.487.038.400	-
<b>Lãi cho vay</b>	<b>52.365.427</b>	<b>1.368.376.666</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	55.246.211	4.711.111
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	95.185.883	589.444.444
Công ty TNHH Hàng Tiêu Dùng GTNfoods	(98.066.667)	750.471.111
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	-	23.750.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>1.380.000.000</b>	<b>18.680.000.000</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	1.380.000.000	1.380.000.000
Công ty TNHH Hàng Tiêu Dùng GTNfoods	-	10.000.000.000
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	7.300.000.000
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>202.662.600</b>	-
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	202.662.600	-
<b>Phải thu về cổ tức</b>	<b>30.487.038.400</b>	-
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty Cổ phần	30.487.038.400	-
<b>Phải thu lãi cho vay</b>	<b>102.243.990</b>	<b>46.997.779</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	102.243.990	46.997.779
<b>Phải trả người bán</b>	<b>46.594.197</b>	-
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	43.886.199	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	2.707.998	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>13.555.186</b>	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ladofoods	13.555.186	-
<b>Chi phí trả trước</b>	<b>2.542.512.000</b>	<b>2.874.144.000</b>
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.542.512.000	2.874.144.000
- Thuê văn phòng	-	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	766.995.028	761.656.000

**23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, Công ty đã ký hợp đồng thực hiện thoái vốn 45% tại Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung trước đây là Công ty con của Công ty.



**Lâm Thị Thúy Mai**  
Người lập biểu



**Hoàng Mạnh Cường**  
Kế toán trưởng



**Tạ Văn Quyền**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018